



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 13/4/2018)

		tăng
		giảm
STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	7.000
2	Xà lách búp	6.000
3	Cải bắp tròn	5.500
4	Cải ngọt	9.000
5	Cải bẹ xanh	18.000
6	Rau muống nước	6.500
7	Rau muống hạt	7.500
8	Cải thìa	8.000
9	Rau quế	10.000
10	Bầu	3.500
11	Su su	3.000
12	Khoai lang bí	12.000
13	Cà chua	8.000
14	Bông cải xanh	13.000
15	Cà rốt	15.000
16	Củ cải trắng	4.000
17	Su hào	4.500
18	Đậu hà lan	37.000
19	Đậu cô ve trắng	7.000
20	Khoai tây hồng	10.000
21	Bí đỏ	6.000
22	Bí xanh	5.000

23	Khổ qua	11.000
24	Dưa leo	6.000
25	Đậu bắp	11.000
26	Cà tím	5.000
27	Ớt cay Batri	27.000
28	Chanh giấy	38.000
29	Tỏi	87.000
30	Hành lá (hành hương)	16.000
31	Ngò rí	11.000
32	Rau dền	7.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	18.000
2	Cam xoan	25.000
3	Quýt đường	30.000
4	Quýt tiêu	20.000
5	Bưởi da xanh	50.000
6	Bưởi năm roi	30.000
7	Xoài Đài Loan	8.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	45.000
9	Xoài ghép	10.000
10	Xoài cát chu	22.000
11	Táo xanh	14.000
12	Dưa hấu dài đỏ	9.000
13	Dưa hấu sọc	10.000
14	Nho đỏ Phan Rang	22.000
15	Thanh Long Bình Thuận	20.000
16	Thanh Long Long An	18.000
17	Đu đủ	6.000
18	Chôm chôm thái	
19	Chôm chôm nhãn	35.000
20	Mãng cầu tròn	50.000
21	Nhãn huế	22.000
22	Nhãn xùong	50.000
23	Nhật long	
24	Vú sữa	20.000
25	Vú sữa lò rèn	

26	Lông mứt	20.000
----	----------	--------